

Ngày	45,000 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	5.0%	11.8%	-2.6%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	39,800 - 49,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,681
Số lượng CPLH (CP)	192,920,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	374,223
Sở hữu nước ngoài	16.5%
Beta	0.18
EPS	3,680
P/E	12.2

DT thuần

Q1/24

792

tỷ VNĐ

QoQ: ▼336| -29.8%

YoY: ▲ 111| 16.3%

LN trước thuế

Q1/24

198

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.0| 15.2%

YoY: ▲ 39.0| 24.6%

LN sau thuế

Q1/24

180

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.0| 19.0%

YoY: ▲ 39.0| 27.5%

ROA

2023

6.1%

+/- YoY: ▼ 1.7%

DT thuần

2023

3,526

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 42.0| 1.2%

LN trước thuế

2023

762

tỷ VNĐ

YoY: ▼76.0| -9.1%

LN sau thuế

2023

682

tỷ VNĐ

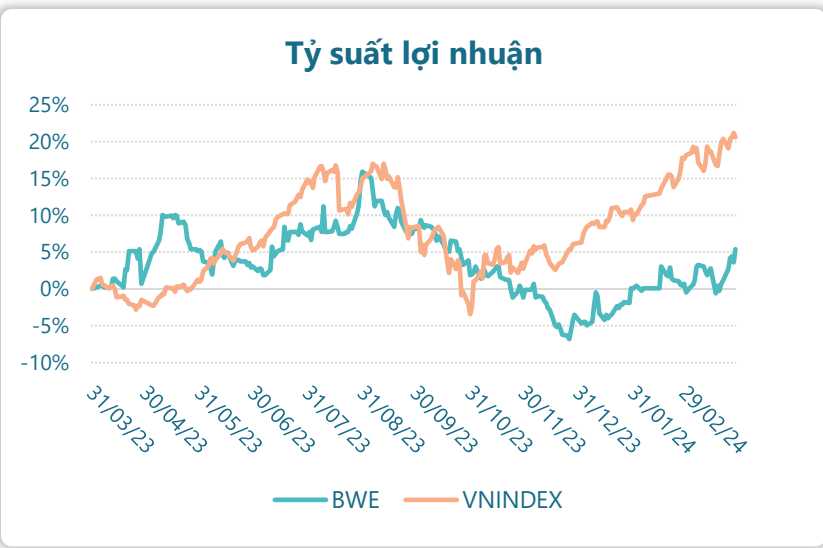
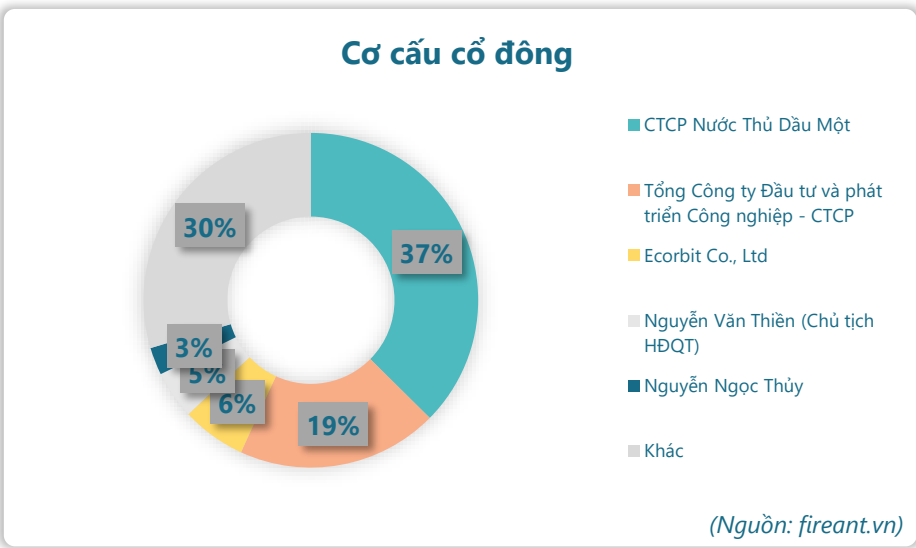
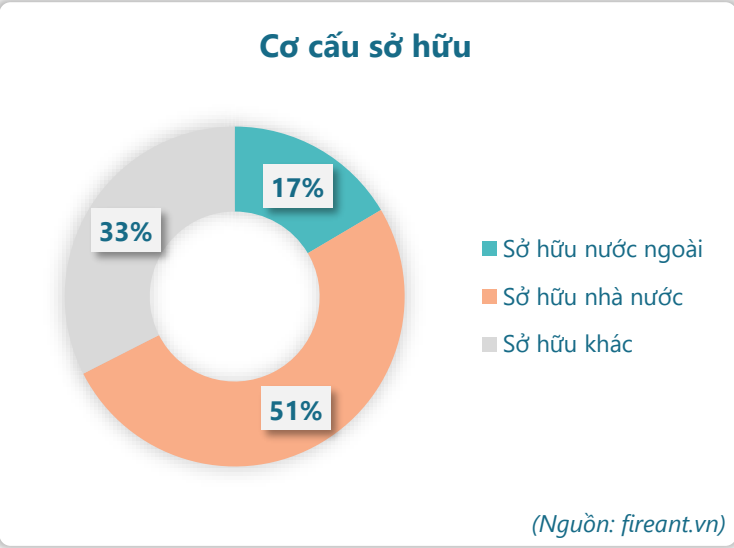
YoY: ▼65.0| -8.7%

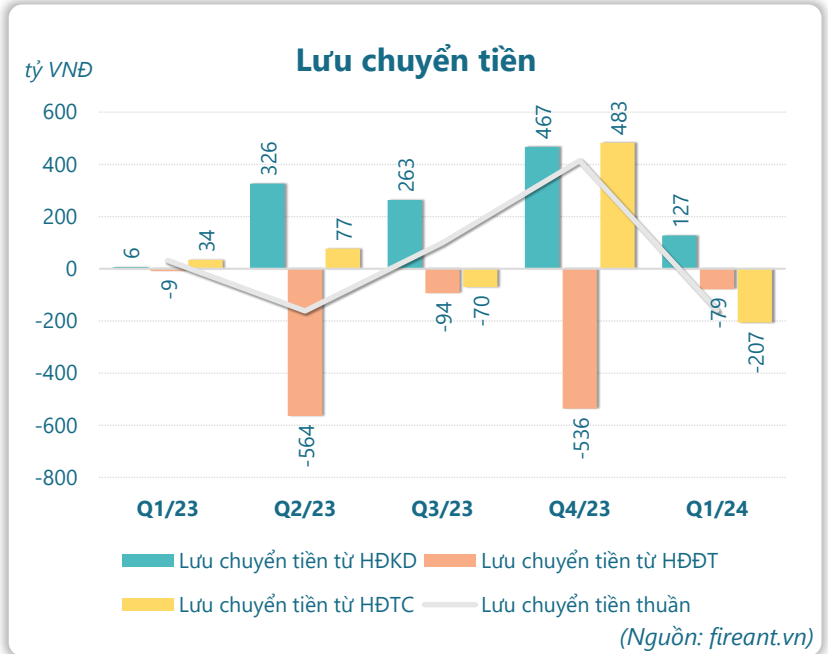
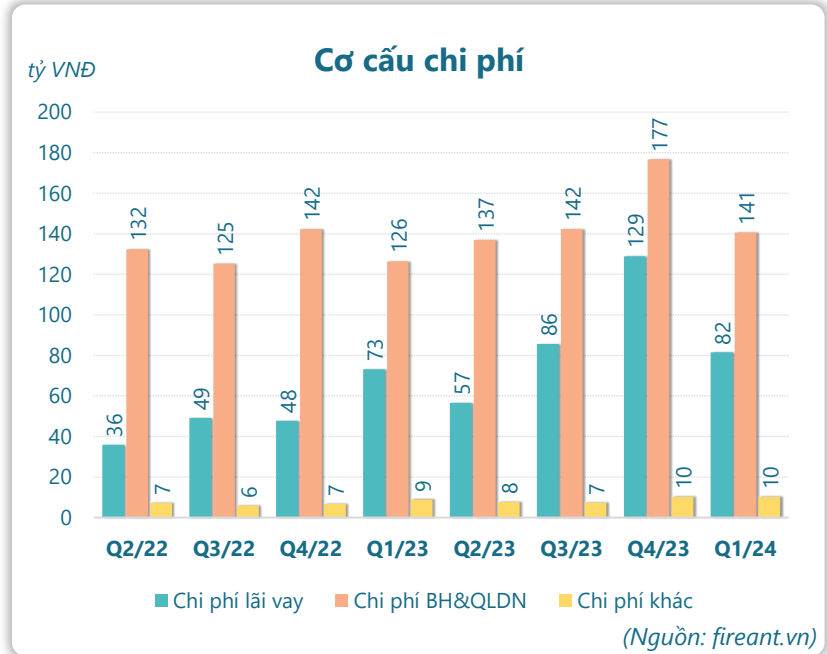
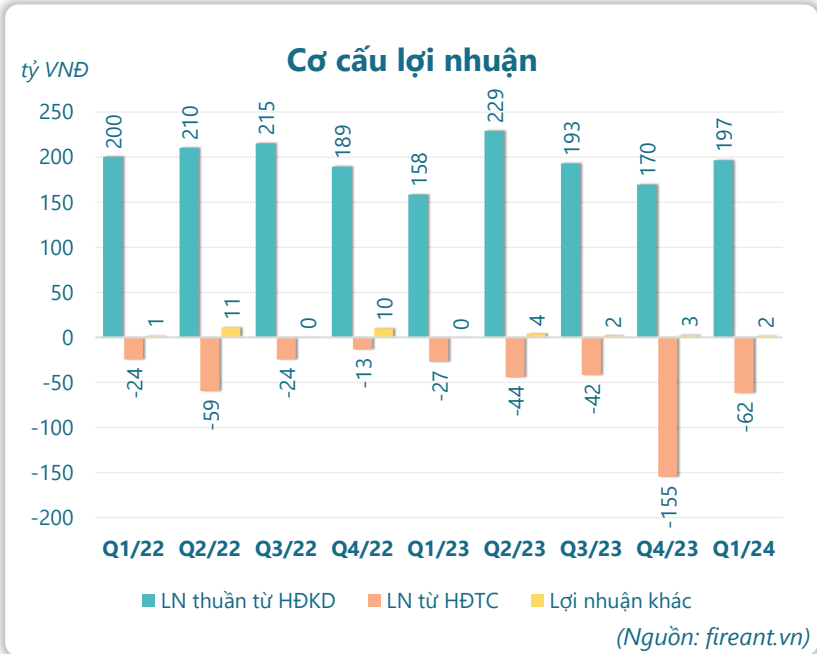
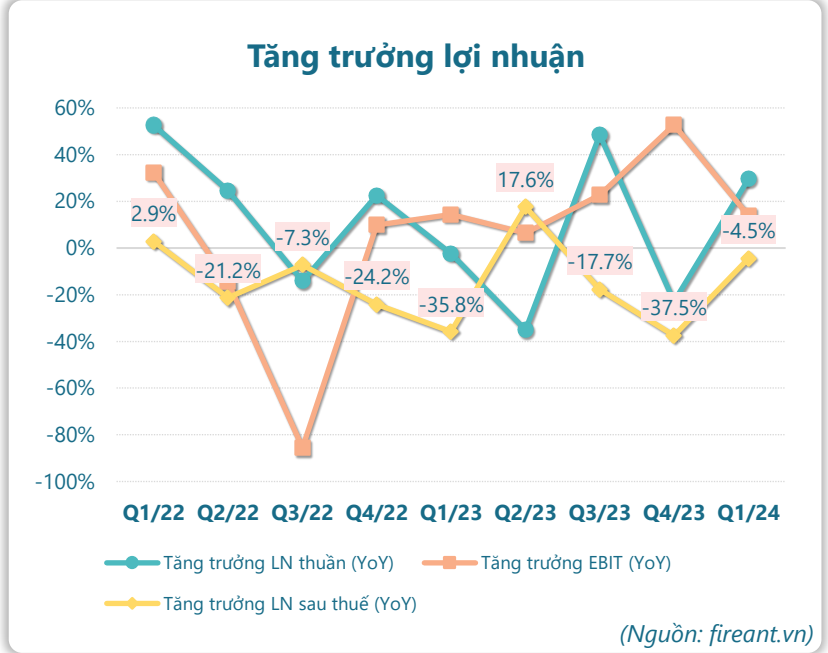
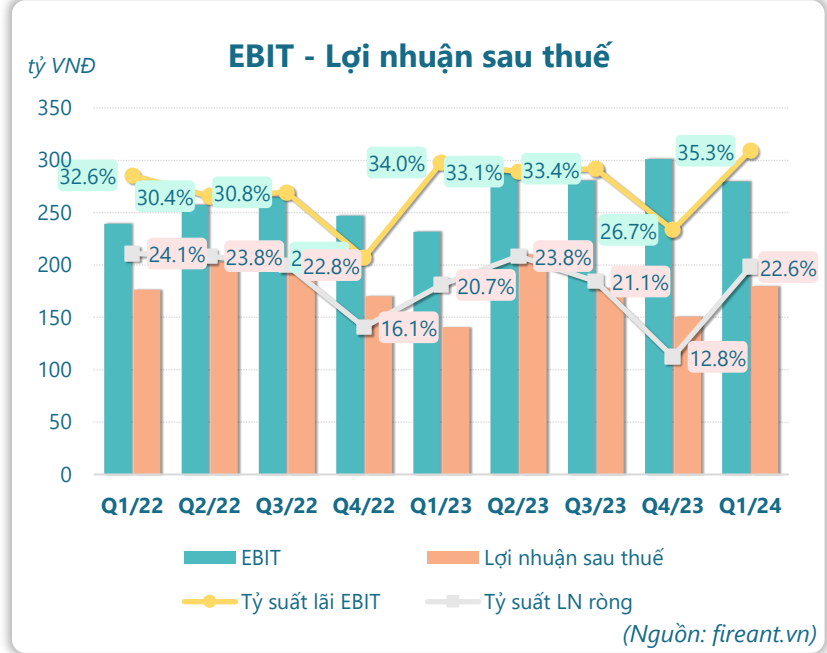
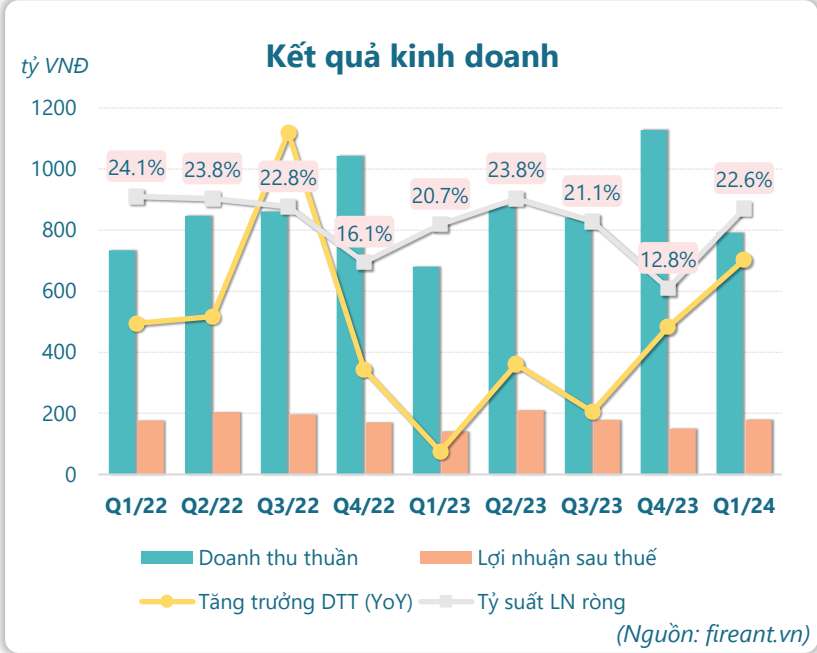
ROE

2023

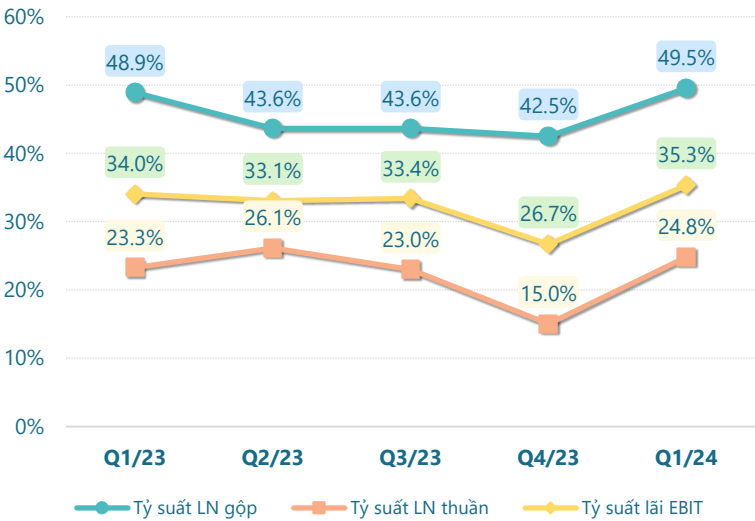
14.2%

+/- YoY: ▼ 3.4%



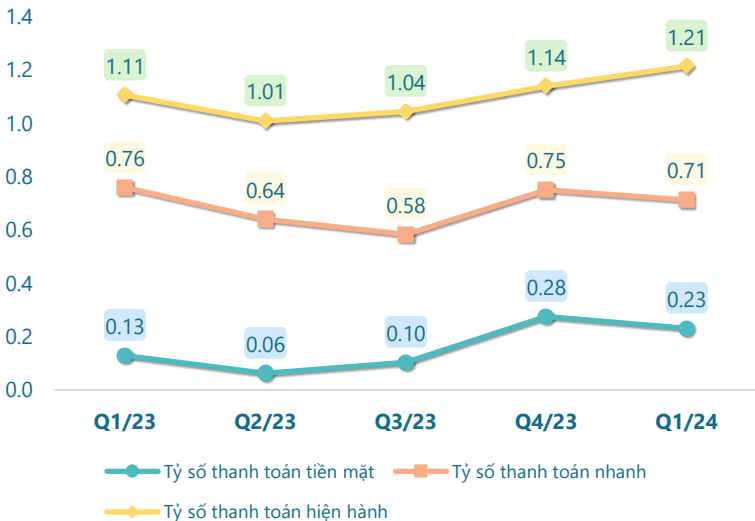


Tỷ suất lợi nhuận



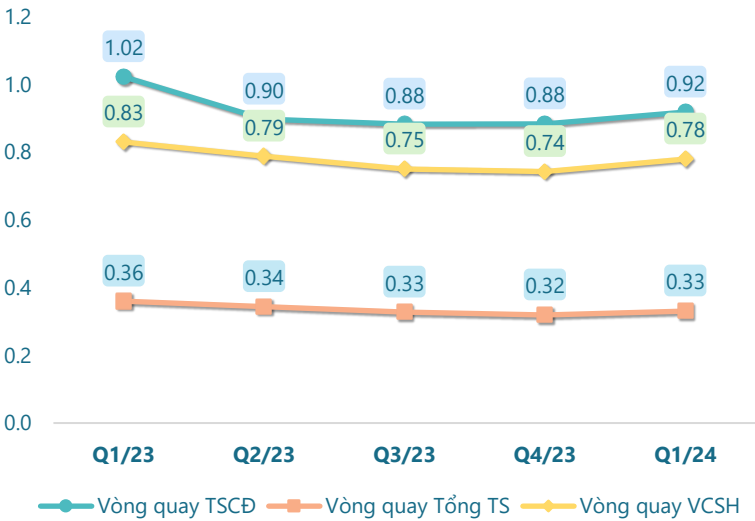
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



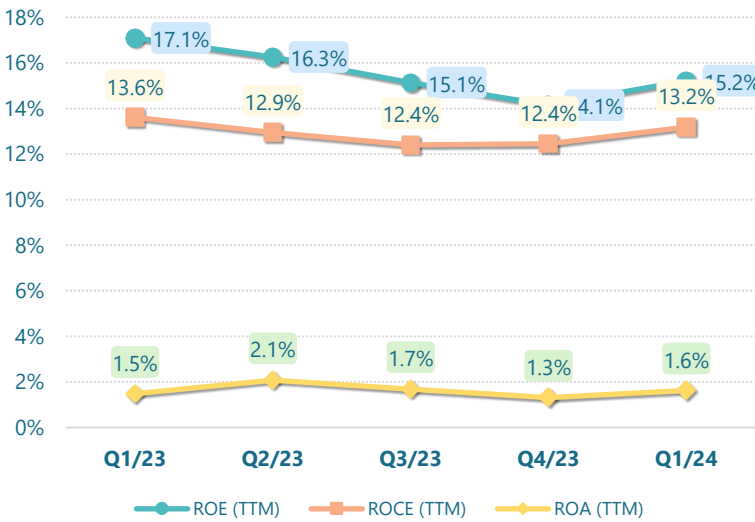
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



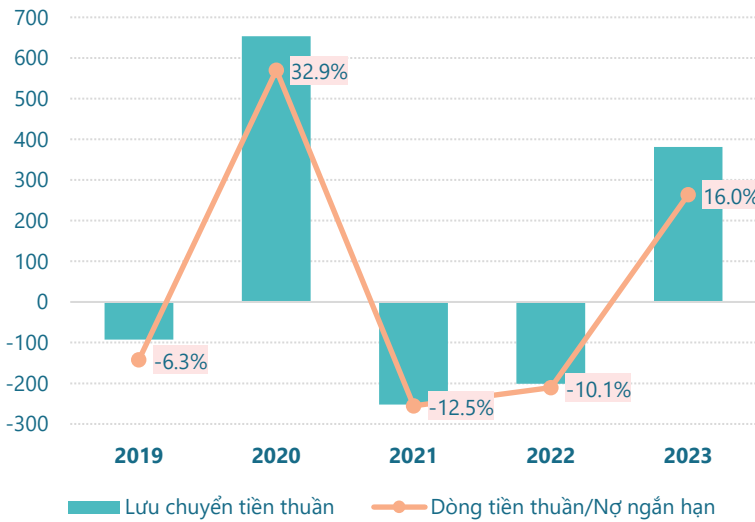
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



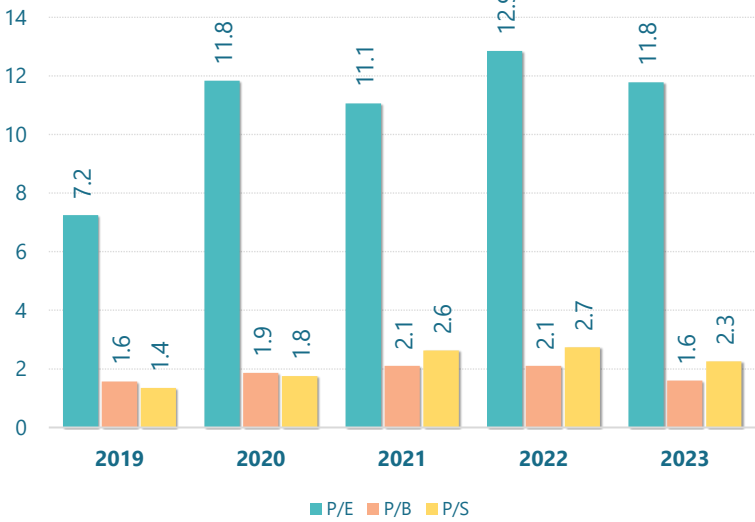
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)